

Bản án số: 44/2023/HS-ST
Ngày 31-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Bà Phạm Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận H B, thành phố H P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, thành phố H P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H B, thành phố H P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

P V B, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1990, tại Thái B. Nơi ĐKKHKT: Thôn C T N, xã T T, huyện T T, tỉnh T B; chỗ ở hiện nay: Phòng trọ số 3, nhà số 5/946 đường T Đ T, phường S D, quận H B, thành phố H P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P I C và bà P T T; có vợ là Đ T B, sinh năm 1994 và một con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18/11/2022, tạm giam từ ngày 26/11/2022; có mặt.

- Người làm chứng: Ông B M H và anh T T T; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

P V B được một người bạn tên H A (B không biết số điện thoại và địa chỉ của H A, chỉ biết H A là người V B, H P). Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 17/11/2022, P V B ở phòng trọ số 3, nhà số 5/946 đường T Đ T, phường S D, quận H B, thành phố H P gọi điện thoại qua zalo cho “O” (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) hỏi mua 05 gam ma túy đá; “O” đồng ý bán với giá 3.000.000 đồng. “O” và B thỏa thuận địa

điểm giao dịch tại phòng trọ của B. Khoảng 15 phút sau, “O” đi taxi đến chỗ ở của B. Tại đây, “O” đưa cho B 01 hộp hình chữ nhật bên trong có chứa ma túy đá, B thanh toán cho “O” số tiền 3.000.000 đồng. Số ma túy nêu trên, B cất ở đầu giường trong phòng trọ. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác Công an phường S D và Công an quận H B kiểm tra hành chính phòng trọ của B phát hiện, thu giữ: 01 hộp hình chữ nhật màu nâu có nắp, bên trong có 03 vỏ thời son; 02 túi nilon mép dán màu đỏ kích thước 5x7cm bên trong chứa tinh thể màu trắng cùng với 20 túi nilon nhỏ mép dán màu xanh chưa qua sử dụng; 01 điện thoại Oppo màu đen, 01 ví giả da; số tiền 950.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 628/KL-KTHS(MT) ngày 21/11/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H P, kết luận: *“tinh thể của mẫu KT gửi giám định là ma túy, có khối lượng 4,90 gam, loại Methamphetamine”*.

Xét nghiệm nước tiểu của P V B, kết quả dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

Vật chứng của vụ án: Lượng ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong số 628MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H P, 01 hộp hình chữ nhật màu nâu có nắp, bên trong đựng 03 vỏ thời son, 20 túi nilon nhỏ mép dán màu xanh chưa qua sử dụng; 01 điện thoại Oppo màu đen; 01 ví giả da và số tiền 950.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKSHB ngày 27/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận H B truy tố bị cáo P V B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận H B đã truy tố. Người chứng kiến là ông B M H, anh T T T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do, nhưng đã có lời khai trong hồ sơ và được công bố công khai tại phiên toà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H B đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: P V B với mức án từ 54 tháng tù đến 57 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động. Trả lại bị cáo 01 ví giả da và số tiền 950.000 đồng nhưng cần tạm giữ số tiền 950.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án về án phí; bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an quận H B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người chứng kiến: Ông B M H và anh T T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, người chứng kiến đã có lời khai tại các giai đoạn tố tụng, được công bố công khai tại phiên tòa và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người chứng kiến được triệu tập đến phiên tòa.

- Về tội danh:

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, khẳng định: Do nghiện ma túy nên khoảng 22 giờ ngày 17/11/2022, P V B đã có hành vi cất giữ bất hợp pháp 4,90 gam ma túy Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Như vậy, hành vi của bị cáo P V B đủ yếu tố cấu thành phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[4] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước về cất giữ các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo giáo dục và răn đe, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa tội phạm chung.

- Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt bổ sung:

[5] Bị cáo P V B không bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

[7] Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần: Tịch thu tiêu hủy 01 hộp hình chữ nhật màu nâu, 03 vỏ thỏi son, 20 vỏ túi nilon mép dán màu xanh và lượng ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong trong phong bì số 628MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H P và 01 ví giả da (do bị cáo không yêu cầu được nhận lại vì không còn giá trị sử dụng). Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, đã qua sử dụng là công cụ bị cáo sử dụng để phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Số tiền 950.000 đồng là tiền chi tiêu cá nhân của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Đối với người phụ nữ có tài khoản ứng dụng zalo tên “O”, là người bán ma túy cho P V B và người phụ nữ tên H A, quá trình điều tra chưa xác minh được lai lịch, địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H B tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Bị cáo P V B phải nộp án phí theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: P V B 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ ngày 26 tháng 11 năm 2022.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: Lượng ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong trong phong bì số 609MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H P; 01 ví giả da; 01 hộp hình chữ nhật màu nâu; 03 vỏ thỏi son; 20 túi nilon nhỏ mép dán màu xanh chưa qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI1: 869604033422915, IMEI2: 3869604033422907.

Trả lại cho bị cáo P V B số tiền 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Đặc điểm theo Quyết định chuyển vật chứng số 30/QĐ-VKS HB ngày 27 ngày 4 tháng 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận H B; Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa Công an quận H B và Chi cục Thi hành án dân sự quận H B; Biên lai thu tiền ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H B, thành phố H P).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo P V B phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự này thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H P;
- VKSND quận H B;
- VKSND thành phố H P;
- Cơ quan Điều tra Công an quận H B;
- Cơ quan THAHS Công an quận H B;
- Công an thành phố H P;
- Trại Tạm giam H P;
- Chi cục THADS quận H B;
- Sở Tư pháp thành phố H P;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến